Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Week: 16 - GVVN

Ngữ pháp HW: ……..….

Đọc HW: ……..….

UNITS 1–4: PAST SIMPLE & COMPARATIVES/SUPERLATIVES REVISION

A. THEORY

✓ **Past Simple – Verb, be (Positive, Negative, Yes/No and Wh-questions)**

***With to be:**

- *We **were** happy at the zoo.*
- *I **was** at home yesterday.*
- *The dogs **weren't** hungry.*
- ***Were** you tired? — Yes, I was. / No, I wasn't.*
- *How **was** the movie? — It was fun!*

***With verbs:**

- *I **played** football yesterday.*
- *She **didn't go** to the park.*
- ***Did** you eat breakfast? — Yes, I did. / No, I didn't.*
- *What **did** you see? — I saw a monkey.*

✓ **Irregular verbs**

- *go → went*
- *eat → ate*
- *see → saw*

…

✓ **Comparatives & Superlatives – Short, Long & Irregular Adjectives**

*** Comparatives Adjectives:**

- *A dog is **bigger** than a cat.*
- *This flower is **more beautiful** than that one.*

*** Superlatives Adjectives:**

- *An elephant is **the biggest** animal here.*
- *That Lego set is **the most expensive** toy in the shop.*

*** Irregular Adjectives:**

- *good → better → the best*
- *bad → worse → the worst*
- *far → further/farther → the furthest/the farthest*

B. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 3) mỗi từ một dòng vào vở.

LIVEWORKSHEETS

II. Circle the correct answer. *(Khoanh đáp án đúng.)*

0. Ben didn't ..... his lunch yesterday.

A. ate *B. eats* *C. eat*

1. Yesterday, we ..... the museum with our class.

A. visit B. visited C. visiting

2. She thinks a desert lizard is ..... than a butterfly.

A. bigger B. biggest C. big

3. My grandparents ..... to the wedding last year.

A. come B. came C. is coming

4. Blue whales are the ..... animals in the world.

A. largest B. larger C. most large

5. ..... you at the park yesterday? – Yes, I was.

A. Were B. Was C. Did

6. I think a spider is ..... than a frog-eyed gecko.

A. dangerous B. most dangerous C. more dangerous

7. Yesterday, Tom ..... sad when he lost his toys..

A. feeling B. feels C. felt

8. This snake is the ..... animal in the desert.

A. most poisonous B. more poisonous C. poisonous

9. My drawing is ..... than my brother's.

A. gooder B. better C. best

10. Where ..... she ..... last weekend?

A. do – went B. is – going C. did – go

III. Read the underlined part in each sentence. Circle YES if the sentence is right. Circle NO if it is wrong and write the correct word(s) on the line. *(Đọc phần được gạch chân trong mỗi câu. Khoanh YES nếu câu đúng. Khoanh NO nếu câu sai và viết từ đúng vào chỗ trống.)*

*0. Did she **went** to the library?*	*YES (NO) → go*
1. **Did you see** the camels at the zoo last week?	YES NO → _____
2. Mum's pizza is **the best** in our town!	YES NO → _____
3. She **eated** the birthday cake yesterday.	YES NO → _____
4. I think the frog-eyed gecko is **the most cute** in the desert.	YES NO → _____
5. My friends and I **wasn't** hungry after the big lunch.	YES NO → _____

LIVEWORKSHEETS

IV. Use the given words to write complete sentences. You can add words and change the form of the words. There is one example. *(Dùng các từ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh. Có thể thêm từ và thay đổi dạng của từ. Có một câu làm mẫu.)*

0. last Sunday / I played badminton / with my dad.

→ I played badminton with my dad last Sunday.

1. at the beach / We were / yesterday / .

→ _____

2. heavier /your bag / My bag is / than / .

→ _____

3. last night / Lan / . /didn't watch TV

→ _____

4. is / of the week / the worst day / Monday / .

→ _____

5. did you buy / at the market / yesterday? / What

→ _____

READING PRACTICE (6 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/BToXgRURZKkvNMvmdo

No.	Words	Meanings	Pictures
1	comic (n)	truyện tranh	
2	pirate ship (phr)	tàu cướp biển	
3	the best part (phr)	phần hay nhất	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	ask someone to get something (phr)	nhờ ai đó lấy gì đó	
5	Here you are (phr)	của bạn đây	
6	What's the matter? (phr)	Có chuyện gì vậy?	

***Note:** phr = phrase: cụm từ, n = noun: danh từ.*

LIVEWORKSHEETS

II. Read the text and choose the best answer.

Part 2
– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



Example

Jim: Hi, Vicky! Is that your new comic?

Vicky:
A It's OK.
(B) Yes, it is.
C It is mine.

Questions

1 Jim: What are you reading about?

Vicky:
A I'm good at drawing.
B What's the matter?
C An old pirate ship.

LIVEWORKSHEETS

2 **Jim:** Which is the best part of your comic?

Vicky:
A This page. Look!
B Come on! Here.
C Let's go! Quick!

3 **Jim:** Which day do you get your comic?

Vicky:
A In the afternoon.
B Every Wednesday.
C Not this week.

4 **Jim:** Does your dad buy your comic for you?

Vicky:
A Yes. So do I, Jim.
B They're my mother's.
C I ask my uncle to get it.

5 **Jim:** I really like comics.

Vicky:
A Well, you can read this, too.
B Because I'm on this page.
C I'm sorry. I don't know.

6 **Jim:** Can you give me your comic now?

Vicky:
A Me too! Goodbye!
B All right! Here you are.
C No thank you, Jim!

LIVEWORKSHEETS